



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

1. Ông Vũ Hoài Nam Chủ tịch

Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Hoài Anh Giám đốc
2. Ông Nguyễn Thành Thái Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hoài Anh – Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám Đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được cộng bổ và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoài Anh
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2021

Số: 012101/2021/BCKT-ICPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 01 năm 2021, từ trang 4 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2018-072-01
Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Phương Liên
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4540-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.106.565.956	9.613.107.831
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.690.334.004	5.720.648.712
1. Tiền	111		1.690.334.004	2.720.648.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.186.276.231	2.606.804.701
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	273.802.559	2.553.100.592
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	826.579.926	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	85.893.746	53.704.109
III. Hàng tồn kho	140	V.7	7.992.780	-
1. Hàng tồn kho	141		7.992.780	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		221.962.941	285.654.418
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	11.630.093	64.154.568
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	210.332.848	221.499.850
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.510.433.334	17.069.975.653
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		14.701.995.379	15.982.698.127
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	14.701.995.379	15.982.698.127
- Nguyên giá	222		22.729.016.129	22.729.016.129
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.027.020.750)	(6.746.318.002)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.604.545	7.200.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.604.545	7.200.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		795.833.410	1.077.077.526
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	795.833.410	1.077.077.526
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.616.999.290	26.683.083.484

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.330.999.290	4.397.083.484
I. Nợ ngắn hạn	310		2.330.999.290	4.397.083.484
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	132.564.707	374.003.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	50.474.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	128.763.016	500.277.527
4. Phải trả người lao động	314		1.180.406.240	1.970.102.092
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		22.727.273	22.727.273
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.010	5.010
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		866.533.044	1.479.494.294
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.286.000.000	22.286.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	22.286.000.000	22.286.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.286.000.000	22.286.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.616.999.290	26.683.083.484



Trần Thị Thu Trang
Người lập



Nguyễn Thị Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoài Anh
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		14.492.375.318	17.353.325.817
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	14.492.375.318	17.353.325.817
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9.566.571.331	11.155.398.944
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.925.803.987	6.197.926.873
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	259.388.155	268.873.385
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	4.526.994.510	5.288.916.306
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		658.197.632	1.177.883.952
8. Thu nhập khác	31	VI.5	29.557.752	13.052.909
9. Chi phí khác	32		24.170	-
10. Lợi nhuận khác	40		29.533.582	13.052.909
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		687.731.214	1.190.936.861
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	98.832.470	250.425.281
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		588.898.744	940.511.580



Trần Thị Thu Trang
Người lập



Nguyễn Thị Yên
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Anh
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	687.731.214	1.190.936.861
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.280.702.748	1.162.260.831
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(259.388.155)	(268.873.385)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.709.045.807	2.084.324.307
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.446.361.225	(2.019.599.719)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(7.992.780)	-
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.307.281.782)	628.316.995
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	333.768.591	(711.586.747)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(208.707.239)	(201.545.063)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	261.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.237.826.387)	(1.159.087.617)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	727.367.435	(1.118.177.844)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.404.545)	(952.883.536)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	244.722.402	270.325.441
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.757.682.143)	(682.558.095)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	1.321.295.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	1.321.295.482
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.030.314.708)	(479.440.457)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.720.648.712	6.200.089.169
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.690.334.004	5.720.648.712

117
 CÔNG TY TNHH
 HOA TIÊU HÀNG HẢI
 KHU VỰC VIII
 X. PHƯỚC ĐỒNG, TP. NHA TRANG, T. KHÁNH HÒA



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Trần Thị Thu Trang
 Người lập

Nguyễn Thị Yên
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Anh
 Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200767748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03 ngày 02 tháng 04 năm 2016.

Công ty có tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THE EIGHTH ZONE MARITIME PILOTAGE SINGER - MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại CL8 Đại Lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rớ II, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 35 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 35 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 04 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 22.286.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Chủ sở hữu Công ty

Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty được góp bởi Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam. Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam hoạt động theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao thuộc địa phận hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao; đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải; kinh doanh dịch vụ tàu lai;
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê phương tiện và tài sản;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Thời gian phân bổ từ 12 đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận và tập hợp theo toàn bộ chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ khác phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	94.131.263	15.063.036
Tiền gửi ngân hàng	1.596.202.741	2.705.585.676
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	4.690.334.004	5.720.648.712

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất tiền gửi từ 3,5%/năm đến 3,6%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	1.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các ngân hàng với lãi suất tiền gửi từ 5%/năm đến 6,9%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi nhánh Nha Trang - Công ty TNHH Sealifl Group	105.947.110	6.600.000
Công ty TNHH Việt Vệ Nữ	61.447.862	22.883.850
Chi nhánh CTCP Container Miền Trung - Quy Nhơn	28.219.392	-
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	-	2.045.870.000
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu khu vực I	-	390.000.000
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	78.188.195	87.746.742
Cộng	273.802.559	2.553.100.592

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Xây Dựng Đô Thị Cam Lâm	657.000.000	-
Công ty TNHH Anh Vinh	126.579.926	-
Chi nhánh Tổng Công Ty BĐATHH Miền Nam - Ban Quản Lý Dự Án Hàng Hải Miền Nam	43.000.000	-
Cộng	826.579.926	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu ngắn hạn khác	85.893.746	53.704.109
- Lãi dự thu ngân hàng	68.369.862	53.704.109
- Khác	17.523.884	-
Cộng	85.893.746	53.704.109
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
Cộng	3.000.000	3.000.000

6. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.548.767	46.808.716
- Chi phí mua bảo hiểm	6.081.326	5.936.669
- Nhiên liệu xuất dùng	-	11.409.183
Cộng	11.630.093	64.154.568
b. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí mua bảo hiểm	99.151.060	238.491.494
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	86.210.878	121.051.088
- Chi phí khác	610.471.472	717.534.944
Cộng	795.833.410	1.077.077.526

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII
 Khu CL8 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rỏi II, Xã Phước Đồng
 Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.992.780	-	-	-
Cộng	7.992.780	-	-	-

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Hoàng Phát Nha Trang	131.931.000	131.931.000	299.003.000	299.003.000
Công ty TNHH Hải Phong	-	-	75.000.000	75.000.000
Phải trả người bán các đối tượng khác	633.707	633.707	-	-
Cộng	132.564.707	132.564.707	374.003.000	374.003.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ	-	383.073.388	383.073.388	-
Tiền thuê đất	210.332.848	11.167.002	-	221.499.850
Cộng	210.332.848	394.240.390	383.073.388	221.499.850
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	29.885.430	714.210.038	785.130.326	100.805.718
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.595.090	98.832.470	208.707.239	123.469.859
Thuế thu nhập cá nhân	85.282.496	375.926.314	566.645.768	276.001.950
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	128.763.016	1.191.968.822	1.563.483.333	500.277.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	9.952.933.550	450.931.000	12.028.739.264	296.412.315	22.729.016.129
Số dư cuối năm	9.952.933.550	450.931.000	12.028.739.264	296.412.315	22.729.016.129
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.584.102.767	297.231.000	4.626.140.610	238.843.625	6.746.318.002
Khấu hao trong năm	284.925.468	31.800.000	930.675.732	33.301.548	1.280.702.748
Số dư cuối năm	1.869.028.235	329.031.000	5.556.816.342	272.145.173	8.027.020.750
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	8.368.830.783	153.700.000	7.402.598.654	57.568.690	15.982.698.127
Tại ngày cuối năm	8.083.905.315	121.900.000	6.471.922.922	24.267.142	14.701.995.379

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1.078.141.423 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.078.141.423 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	20.860.244.081	90.384.288	-	20.950.628.369
Vốn góp tăng trong năm	1.425.755.919	(90.384.288)	(14.076.149)	1.321.295.482
Lợi nhuận trong năm	-	-	940.511.580	940.511.580
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(926.435.431)	(926.435.431)
Số dư đầu năm nay	22.286.000.000	-	-	22.286.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	588.898.744	588.898.744
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động	-	-	-	-
- Khen thưởng	-	-	(334.231.833)	(334.231.833)
- Phúc lợi	-	-	(143.242.214)	(143.242.214)
Trích quỹ khen thưởng người quản lý	-	-	(111.424.697)	(111.424.697)
Số dư cuối năm nay	22.286.000.000	-	-	22.286.000.000

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	22.286.000.000	22.286.000.000
	22.286.000.000	22.286.000.000

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII

Khu CL8 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Ró II,

Xã Phước Đông, Thành phố Nha Trang,

Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.492.375.318	17.353.325.817
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu dịch vụ hoa tiêu	10.864.757.136	11.380.781.971
- Doanh thu dịch vụ cho thuê phương tiện và hòa tiêu	2.990.618.181	5.776.543.846
- Doanh thu dịch vụ hàng hải khác	637.000.001	196.000.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.492.375.318	17.353.325.817

2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ cho thuê phương tiện	9.566.571.331	11.155.398.944
Cộng	9.566.571.331	11.155.398.944

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	259.388.155	268.873.385
Cộng	259.388.155	268.873.385

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.850.477.430	3.464.542.962
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.636.560	47.035.320
Chi phí khấu hao TSCĐ	318.227.016	318.227.016
Thuế, phí và lệ phí	14.646.093	24.337.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.385.239	106.373.036
Chi phí bằng tiền khác	1.135.622.172	1.328.400.834
Cộng	4.526.994.510	5.288.916.306



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Khen thưởng từ Khối thi đua doanh nghiệp	2.980.000	2.780.000
Các khoản thu nhập khác	26.577.752	10.272.909
Cộng	29.557.752	13.052.909

6. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	687.731.214	1.190.936.861
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	18.215.000	61.189.546
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	<i>18.215.000</i>	<i>61.189.546</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	705.946.214	1.252.126.407
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	141.189.243	250.425.281
Điều chỉnh giảm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị Quyết 116/2020/QH14	42.356.773	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	98.832.470	250.425.281

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.485.381.853	3.467.156.593
Chi phí nhân công	7.567.221.851	8.644.858.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.280.702.748	1.162.260.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	616.745.436	1.009.437.595
Chi phí khác bằng tiền	2.143.513.953	2.160.601.256
Cộng	14.093.565.841	16.444.315.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2020:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Chủ tịch và Ban giám đốc	959.097.213	1.078.229.541
Cộng	<u>959.097.213</u>	<u>1.078.229.541</u>

2. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Trần Thị Thu Trang
Người lập

Nguyễn Thị Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoài Anh
Giám đốc
Khánh Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2021